

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HS-ST
Ngày 01-03-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Trung

Ông Nguyễn Trọng Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 570/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T (Tên gọi khác: **H**), sinh năm 1991 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1963 và bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1967; vợ: **Trần Thị Thanh H2**, sinh năm 1992 (đã ly hôn); con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 4562/QĐ-XPHC ngày 08/09/2022 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 30.594.000 đồng về hành vi *khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ, cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; khối lượng khoáng sản (cát sông) đã khai thác 8,91m³*, hiện tại chưa chấp hành đóng tiền xử phạt vi phạm; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1980; nơi cư trú: **ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Như P, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người làm chứng: Ông Bùi Thanh S1, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 15 phút ngày 30/9/2023, Tổ công tác Công an huyện C, tỉnh Bến Tre và Công an xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre phát hiện bắt quả tang Nguyễn Minh T và Bùi Thanh S1 có hành vi sử dụng phương tiện tàu sắt, không biển kiểm soát có gắn hệ thống bơm hút cát tự chế đang khai thác cát sông trái phép tại toạ độ X: 01141094, Y: 00559967 trên tuyến sông T thuộc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, khối lượng cát sông đã khai thác là 29,76m³.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 20/01/2023, bà Nguyễn Thị Như P thuê tàu sắt không biển kiểm soát cùng hệ thống bơm hút cát của Nguyễn Văn C để mua bán vật liệu xây dựng. Hàng ngày, tàu neo đậu tại sông T thuộc xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, bà P thuê Nguyễn Minh T và Đào Quốc D canh giữ và bơm nước tàu. Ngày 29/9/2023, anh D bận việc gia đình xin nghỉ; nên khoảng 17 giờ ngày 29/9/2023, T điện thoại kêu Bùi Thanh S1 xuống phụ giữ tàu sắt cùng với mình, đến khoảng 24 giờ cùng ngày, T thấy có nhiều tàu, ghe đi hút cát trái phép ở sông T nên bàn bạc với S1 sử dụng tàu sắt đang giữ đi hút cát trái phép bán lại cho các sà lan neo đậu ở tỉnh Tiền Giang, S1 đồng ý. S1 điều khiển tàu sắt cùng T đến đoạn sông T thuộc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre thì dừng lại, T mở nước vào đầu bơm nước, khởi động máy hút cát, thả ống hút cát có gắn đầu sào xuống sông để hút cát lên khoang chứa của tàu; còn S1 vẫn điều khiển, cầm lái tàu sắt để không bị trôi do nước chảy và tàu sắt không thả neo. T và S1 hút khoảng 01 tiếng đồng hồ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- 01 tàu sắt, không biển kiểm soát, khoảng 50 tấn, chiều dài lớn nhất 20,3m, chiều rộng lớn nhất 4,4m, chiều cao mạn 2,5m, đã qua sử dụng, rò rỉ nước, hư hỏng nhiều chỗ;

- 01 động cơ dùng để chạy phương tiện, nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất, bị rỉ sét, đã qua sử dụng;

- 01 động cơ dùng để hút cát, không rõ nhãn hiệu, không rõ công suất, cũ, rỉ sét, đã qua sử dụng;

- 01 đầu bơm hút cát bằng kim loại dùng để bơm hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của phương tiện: Một đầu nối với ống hút cát từ lòng sông lên bằng

nhựa, màu xanh dài 20m, đường kính 0,25m, cuối ống được nối với ống sắt dài 3,05m, đường kính ống sắt rộng 0,27m, trên ống sắt đính kèm tuýp sắt dài 3,05m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu đen dài 2,37m, đã qua sử dụng;

- 01 đầu bơm hút cát bằng kim loại dùng để bơm cát từ khoang chứa cát lên bờ: Một đầu nối ống nhựa màu xanh dài 7m, đường kính 0,15m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu xanh dài 7m, đường kính 0,15m, đã qua sử dụng;

- 01 đầu bơm nước bằng kim loại: Một đầu nối với ống nhựa màu đen dài 2,2m, đường kính 0,15m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu xanh dài 6m, đường kính 0,15m, đã qua sử dụng;

- 01 bộ toi dùng để kéo, thả ống hút cát, cũ, rỉ sét, đã qua sử dụng;

- Cát sông (dùng để san lấp), khối lượng 29,76m³ (đã trừ 05kg lấy mẫu);

- 01 mẫu cát sông đựng trong túi nilon, ký hiệu KS1-30/9/2023, được dán niêm phong của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** (mẫu cát còn lại sau khi trưng cầu giám định).

Theo công văn số 4402/STNMT-QLTNB&KTTV ngày 04/10/2023 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** xác định: tại toạ độ X: 01141094, Y: 00559967 thuộc tuyến **sông T, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**, Ủy ban nhân dân tỉnh không cấp phép khai thác cho tổ chức và cá nhân nào.

Theo Kết luận giám định tư pháp ngày 09/11/2023 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** kết luận: Mẫu KS1-30/9/2023 được Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** gửi giám định được xác định là: khoáng sản.

Theo Bản kết luận định giá số 31/KL-HĐĐG ngày 10/11/2023 của Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre kết luận: 29,76m³ cát sông (vật liệu xây dựng thông thường dùng để san lấp) tại thời điểm định giá ngày 30/9/2023 có giá 1.964.164 đồng.

Trước đó, ngày 08/9/2022, **Nguyễn Minh T** bị Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính về hành vi “khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ, cửa sông; cát, sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” với số tiền phạt là 30.594.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSBT-P1 ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố **Nguyễn Minh T** về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo **Nguyễn Minh T** trình bày lời khai: Khoảng 00 giờ ngày 29/9/2023 rạng sáng ngày 30/9/2023, bị cáo cùng **Bùi Thanh S1** sử dụng tàu sắt đi hút cát trái phép bán lại cho các tàu sắt ở tỉnh Tiền Giang. **S1** điều khiển tàu sắt cùng bị

cáo đến đoạn sông T thuộc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre thì dừng lại; bị cáo mồi nước vào đầu bơm nước, khởi động máy hút cát, thả ống hút cát có gắn đầu sào xuống sông để hút cát lên khoang chứa tàu sắt; còn S1 điều khiển, cầm lái tàu sắt để không bị trôi do nước chảy và tàu sắt không thả neo. Bị cáo và S1 hút cát khoảng 01 tiếng đồng hồ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, khối lượng cát trong khoang tàu sắt đã khai thác được 29,76m³. Bản thân bị cáo chưa được cơ quan chức năng cấp phép khai thác cát sông; vị trí địa giới hành chính mà bị cáo khai thác cát vào ngày 30/9/2023 thuộc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre thì bị cáo không được cấp phép khai thác cát sông; bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số: 4562/QĐ-XPHC ngày 08/09/2022 với số tiền 30.594.000 đồng về hành vi khai thác trái phép khối lượng 8,91m³ cát sông, chưa đóng tiền xử phạt. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn C trình bày lời khai: Ông là chủ sở hữu phương tiện tàu sắt, không biển kiểm soát, có gắn hệ thống bơm hút mà bị cáo T và Bùi Thanh S1 sử dụng đi khai thác cát trái phép vào ngày 30/9/2023. Ngày 20/01/2023, ông cho bà Nguyễn Thị Như P thuê lại chiếc tàu sắt trên với giá tiền 5.000.000 đồng/tháng, thời hạn 01 năm, có làm hợp đồng viết tay. Việc bị cáo T và Bùi Thanh S1 đi hút cát trái phép là tự ý thực hiện, ông không biết. Ông yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại phương tiện tàu sắt như nêu trên cho ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Như P trình bày lời khai: Phương tiện tàu sắt không biển kiểm soát, có gắn hệ thống bơm hút cát mà bị cáo T và Bùi Thanh S1 đi hút cát trái phép vào ngày 30/9/2023 là do bà thuê lại của ông Nguyễn Văn C, giá tiền thuê 5.000.000 đồng/tháng, có làm hợp đồng thuê tàu viết tay, thời hạn 01 năm từ ngày 20/01/2023, mục đích thuê tàu là vận chuyển vật liệu xây dựng. Ngày 29/9/2023, bà thuê bị cáo T coi canh bơm nước và giữ tàu, việc bị cáo T và Bùi Thanh S1 đi khai thác cát trái phép bị bắt quả tang là tự ý thực hiện, bà không có thuê hay yêu cầu bị cáo T cùng S1 đi khai thác cát trái phép. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử trả lại phương tiện tàu sắt như nêu trên cho ông Nguyễn Văn C là chủ sở hữu hợp pháp.

- Người làm chứng Bùi Thanh S1 trình bày lời khai: Vào khoảng 17 giờ ngày 29/9/2023, anh nhận được điện thoại từ bị cáo T nói anh phụ giữ sà lan, anh đồng ý. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh xuống tàu sắt neo đậu tại khu vực sông T (gần Cầu R) thuộc xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, khi đó bị cáo T đã có mặt sẵn. Đến khoảng 00 giờ cùng ngày, bị cáo T thấy có nhiều tàu, ghe đi hút cát ở sông T thuộc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên bị cáo T bàn bạc với anh sử dụng tàu sắt

đang giữ đi hút cát trái phép về bán lại cho các sà lan lớn và anh đồng ý. Sau đó, bị cáo **T** mở dây cột tàu sắt, anh điều khiển tàu sắt cùng bị cáo **T** từ bến đậu tàu sắt đến đoạn **sông T thuộc xã P** thì dừng lại; bị cáo **T** mồi nước đầu bơm nước, khởi động máy hút cát, thả ống hút có gắn đầu sào xuống sông để hút cát lên khoang chứa tàu sắt; còn anh cầm lái điều khiển cố định phương tiện để hút cát để tàu sắt không bị trôi, do tàu sắt không có thả neo, anh và bị cáo **T** hút khoảng 01 tiếng đồng hồ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, khối lượng cát trong khoang tàu sắt đã khai thác được 29,76m³, anh có chứng kiến thu mẫu cát trong khoang tàu sắt. Ngày 26/10/2023, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 5401/QĐ-XPHC xử phạt anh số tiền 65.000.000 đồng, đến ngày 03/11/2023 anh đã thực hiện xong việc đóng tiền phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Kháng định Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSBT-P1 ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố **Nguyễn Minh T** về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh T** phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** từ 03 tháng đến 05 tháng tù;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho ông **Nguyễn Văn C**: 01 tàu sắt, không biển kiểm soát, cùng dụng cụ bơm hút cát trên tàu;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Cát sông khối lượng 29,76m³ (đã trừ 05kg lấy mẫu); 01 mẫu cát sông đựng trong túi nilon, ký hiệu KS1-30/9/2023, được dán niêm phong của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B**.

- Bị cáo không tranh luận.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tranh luận.
- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về nuôi 02 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập, có cơ sở xác định: Mặc dù không được cấp phép khai thác khoáng sản và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông), chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Nhưng vào lúc 01 giờ 15 phút ngày 30/9/2023, bị cáo Nguyễn Minh T tiếp tục sử dụng phương tiện tàu sắt, không biển kiểm soát, có gắn hệ thống bơm hút cát tự chế đến toạ độ X: 01141094, Y: 00559967 trên tuyến sông T thuộc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre để hút cát trái phép từ lòng sông lên khoang chứa của tàu thì bị phát hiện bắt quả tang. Khối lượng cát sông đã khai thác là 29,76m³, trị giá 1.964.164 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép, chưa nộp phạt, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản và tại khu vực bị cáo khai thác cát sông trên tuyến sông T thuộc địa giới hành chính xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre thì Ủy ban nhân dân tỉnh B không có cấp phép khai thác khoáng sản (cát lòng sông) cho tổ chức, cá nhân nào, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi khai thác khoáng sản trái phép với khối lượng 29,76m³ cát; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy của Việt Nam mà không có giấy phép, gây ảnh hưởng xấu đến tài nguyên, môi trường sinh thái và trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Với ý thức, hành vi, hậu quả xảy ra và nhân thân của bị cáo, thấy rằng Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSBT-P1 ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố Nguyễn Minh T về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” với tình tiết định khung “Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội; thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra: Xuất phát từ việc bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính phải đi làm thuê kiếm tiền lo cho gia đình; bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản (cát sông) và tại khu vực bị cáo khai thác cát sông thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không có cấp phép khai thác khoáng sản (cát lòng sông) cho tổ chức, cá nhân nào, nhưng bị cáo vẫn cùng với ông S1 tự ý sử dụng phương tiện tàu sắt không biển kiểm soát thực hiện hành vi khai thác cát sông trái phép; bị cáo sử dụng tàu sắt cùng dụng cụ bơm hút cát có sẵn trên tàu thực hiện bơm hút cát sông trái phép vào thời điểm đêm tối để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng; tại thời điểm cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện hành vi khai thác cát sông trái phép của bị cáo thì khối lượng cát sông mà bị cáo đã khai thác trái phép được xác định là 29,76m³. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thể hiện ý thức xem thường pháp luật, vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy của Việt Nam mà không có giấy phép, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, là nguyên nhân gây ra biến đổi xấu về môi trường.

[5] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; lượng hình: Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa nộp phạt, chưa được xóa tiền sự nên xét về nhân thân là không tốt; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B tặng Bằng khen do cứu người gặp nạn trên sông T vào năm 2015 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có cha ruột là thương binh hạng 2/4, đang nuôi con nhỏ, bị cáo chỉ học hết lớp 5 nên nhận thức về mặt pháp luật có phần hạn chế, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy trước đó bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 30.594.0000 đồng về hành vi khai thác cát trái phép khối lượng 8,91m³, chưa nộp phạt, chưa được xóa tiền sự, đến ngày 30/9/2023 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi khai thác trái phép khối lượng 29,76m³ cát sông, điều đó đã thể hiện ý thức xem thường pháp

luật của bị cáo và lần này bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Xét thấy trong giai đoạn hiện nay, tình hình khai thác cát trên sông diễn ra phức tạp, đã gây sạt lở đất canh tác, sạt lở bờ sông, gây bức xúc trong nhân dân. Qua xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải áp dụng loại hình phạt theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục bị cáo và bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 tàu sớt, không biển kiểm soát cùng dụng cụ bơm hút cát trên tàu thuộc sở hữu của ông C. Ông C và bà P không có lỗi trong việc bị cáo sử dụng phương tiện này đi khai thác cát trái phép, ông C và bà P đều có yêu cầu trả lại cho ông C, nên trả lại cho ông C là phù hợp.

- Đối với khối lượng 29,76m³ cát sông và 01 mẫu cát sông còn lại sau khi trưng cầu giám định, đây là tài sản do phạm tội mà có cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[7] Về các vấn đề khác:

- Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

- Đối với Bùi Thanh S1, có hành vi khai thác cát trái phép cùng với Nguyễn Minh T nhưng chưa có tiền sự về hành vi về khai thác tài nguyên (cát sông) trái phép nên không cấu thành tội phạm. Ngày 26/10/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với S1 là có căn cứ.

- Đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Như P là chủ sở hữu tàu sớt không biển kiểm soát và hệ thống bơm hút cát tự chế, chỉ thuê T giữ tàu, việc T và S1 đã tự ý dùng để khai thác cát sông trái phép họ không biết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 04 (bốn) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

* *Trả lại cho ông **Nguyễn Văn C**:*

- 01 (một) tàu sắt, không biển kiểm soát, khoảng 50 tấn, chiều dài lớn nhất 20,3m, chiều rộng lớn nhất 4,4m, chiều cao mạn 2,5m, đã qua sử dụng, rỉ rỉ nước, hư hỏng nhiều chỗ;

- 01 (một) động cơ dùng để chạy phương tiện, nhãn hiệu CUMMINS, không rõ số hiệu, công suất, bị rỉ sét, đã qua sử dụng;

- 01 (một) động cơ dùng để hút cát, không rõ nhãn hiệu, không rõ công suất, cũ, rỉ sét, đã qua sử dụng;

- 01 (một) đầu bơm hút cát bằng kim loại dùng để bơm hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của phương tiện: Một đầu nối với ống hút cát từ lòng sông lên bằng nhựa, màu xanh dài 20m, đường kính 0,25m, cuối ống được nối với ống sắt dài 3,05m, đường kính ống sắt rộng 0,27m, trên ống sắt đính kèm tuýp sắt dài 3,05m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu đen dài 2,37m, đã qua sử dụng;

- 01 (một) đầu bơm hút cát bằng kim loại dùng để bơm cát từ khoang chứa cát lên bờ: Một đầu nối ống nhựa màu xanh dài 7m, đường kính 0,15m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu xanh dài 7m, đường kính 0,15m, đã qua sử dụng;

- 01 (một) đầu bơm nước bằng kim loại: Một đầu nối với ống nhựa màu đen dài 2,2m, đường kính 0,15m; đầu còn lại gắn với ống nhựa màu xanh dài 6 m, đường kính 0,15m, đã qua sử dụng;

- 01 (một) bộ toi dùng để kéo, thả ống hút cát, cũ, rỉ sét, đã qua sử dụng;

* *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- Cát sông, khối lượng 29,76 m³ (đã trừ 05kg lấy mẫu);

- 01 mẫu cát sông đựng trong túi nilon, ký hiệu KS1-30/9/2023, được dán niêm phong của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Minh T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Phú Túc, h. Châu Thành, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (4b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông